

Tỳ-kheo-ni Hải Triều Âm biên tập

BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐÀ

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

PL 2551 - 2007

Bát Nhã Ba La Mật Đa

(Viết phỏng theo các bài đăng trong báo Giác Ngộ)

Đường tu có 2 chặng rõ rệt:

- 1- Tiểu học: Biết vọng thân vọng tâm vọng cảnh vô thường vô ngã khổ và không, cầu thoát luân hồi sanh tử.
- 2- Đại học: Nhận được bản giác không sanh không diệt để thành Phật.

Theo giáo lý Bát Nhã, vạn pháp không có thật thể, chính chân không là tự tánh. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Ai muốn biết ba đời chư Phật nên quán pháp giới tánh tất cả duy tâm tạo” nghĩa là tịnh uế thánh phàm, thể chất đều là tâm ta. Lý duyên khởi của Hoa Nghiêm tức là lý vô ngã của Bát Nhã. Vì duyên sanh nên vạn pháp tạm có mà không cố định. Luôn luôn theo duyên để trở thành, xoay vần không cùng tận.

Thân tâm tài sản danh vọng như giấc mộng. Trong mê tưởng như có thật. Tỉnh ra mới biết hư vọng không bền (vô ngã vô thường). Giả có 4:

a) Tương tục giả. Thân con người là một tiếp nối không cùng. Các tế bào sanh diệt triền miên, từ lọt lòng đến chết mới dứt.

b) Đôi đũa giả: Lớn nhỏ, ngắn dài, tốt xấu đều ở trong vòng so sánh.

c) Phân biệt giả: Con người cho vàng bạc là quý. Trâu bò trông thấy thản nhiên.

d) Hòa hợp giả: Cái xe do nhiều bộ phận ráp lại: vành, vỏ, ruột, bàn đạp v.v...

Tương Ưng Bộ Kinh III: Muốn giết một người kia, kẻ ác ngọt ngào. Được lòng tin rồi, lừa lúc bất ngờ, nó sát hại. Phàm phu thiết tha tin cậy sắc thân là tự thể, thọ tướng là tâm tánh. Rõ ràng ta là chủ nhân ông độc quyền. Nhưng kỳ thật ta tự đánh lừa, ta là nô lệ. Nhắm mắt theo năm uẩn làm ác,

chúng sanh tự lăn theo bánh xe luân hồi, bị lôi tuột xuống vực thăm tam đồ.

Cũng trong bộ kinh này, Phật dạy: Con chó bị xích vào một cột trụ. Đi đứng nằm ngồi, nó không rời cột trụ ấy. Phàm phu coi năm uẩn là tự ngã, tham sân là tự tánh. Bám chặt lấy sanh già bệnh chết để cầu thường lạc ngã tịnh cho nên chỉ gạt hái những thất vọng sâu u.

Các kinh đại thừa khuyên: Năm uẩn là vọng tưởng, gốc trầm luân, nguồn biển khổ, Phật tử cần giác tỉnh, hướng về thánh pháp, học sống với Phật tánh của mình. Đây là cảnh giới an lạc vô thượng.

Trong kinh Bát Đại Nhân Giác, thứ nhất giác ngộ: Năm uẩn không phải là ta, sanh diệt biến đổi, hư ngụy không chủ. Tâm là nguồn ác. Thân là rừng tội. Quan sát như thế, xa dần sanh tử.

NGŨ UẨN

Để chúng ta tìm hiểu một phần nào bản chất của chính mình, đức Phật đã hệ thống hóa cả nhân sinh phức tạp vũ trụ bao la thành 18 giới (6 căn + 6 trần + 6 thức). Đơn giản chỉ quán chiếu 2 phần Sắc và Tâm. Vì tâm là chủ động nên theo công dụng mà phân tích thành 4. Hợp lại gọi là 5 uẩn. [Sắc (vật lý), thọ (cảm giác), tưởng (tri giác), hành (động lực), thức (phân biệt)]. Thọ Tưởng Hành là tâm sở. Thức gồm 8 tâm vương.

SẮC UẨN. Đất nước gió lửa hư không ở khắp pháp giới gọi là ngoại sắc. Nội sắc chỉ có chút xíu tạm dừng trong thân do ái nhận chịu. Tuy phàm phu mê vọng phân chia nội ngoại nhưng thân con người với đồng ruộng (đất), đám mây (nước), không khí (gió), mặt

trời (lửa) vẫn tương quan trong một môi trường bất khả phân ly.

Đất nước gió lửa bản chất vô thường. Nếu chấp thủ là ta, của ta, hẳn phải đau khổ. Nương sắc sanh khởi vui mừng là vị ngọt của sắc. Tính chất vô thường biến đổi đem đau đớn khổ não là nguy hiểm của sắc. Đoạn trừ tham sắc là giải thoát.

THỌ UẨN là yếu tố kích thích trối buộc và sai sử chúng ta rõ ràng nhất. Mỗi khi sáu căn chạm xúc cảnh trần, nơi tâm liền khởi một trong 3 cảm giác: khổ, vui, không khổ không vui (si thọ).

Thọ cũng có nội (vui thiên định, ngồi lâu đau chân), ngoại (ăn ngon, bị gai đâm). Những gì ta gọi là vui, Phật gọi là hoại khổ. Những gì ta gọi là khổ, Phật gọi là khổ khổ. Những gì ta gọi là không khổ không vui, Phật gọi là hành khổ. Nghĩa là tất cả thọ đều khổ.

Chìa khóa của hạnh phúc là xả thọ. Người mới xuất gia vào chùa, bài học đầu tiên là ít muốn biết đủ. Bước đầu hành đạo là nếp sống y ly.

Gốc của thọ là vô minh, trong chấp ngã ngoài chấp pháp. Tịnh-độ tông, niệm Phật với chuỗi tràng 108 hạt để tránh 108 thọ cảnh thế gian: 6 căn + 6 trần = 12 ; 12 x 3 tướng (vui khổ si) = 36 ; 36 x 3 thời (quá khứ hiện tại vị lai) = 108.

TƯỚNG UẨN: Nhớ lại quá khứ, tưởng tượng vị lai. Dùng kinh nghiệm để phán đoán hiện tại luôn biến chuyển, loại tri giác này dễ bị đánh lừa. Chỉ cần nghe nói mơ chua, miệng chúng ta đã sẵn sàng chảy nước bọt để tiêu hóa trái mơ ấy. Nghe nói vực thẳm, thế là tưởng đã khiến hai bàn chân ghê rợn. Vì duyên sanh, vô thường vô ngã nên hằng bị gọi là vọng tưởng. Nhưng người

đòi lại lấy đây làm tâm tánh của mình, nhất nhất nghe theo. Ít ai biết xét lại.

HÀNH UẤN. Tương Ưng Bộ Kinh III, Phật dạy: “Này các Tỳ-kheo, thế nào là hành? – Sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư và pháp tư. Đây gọi là Hành”.

Tư là động lực dẫn dắt tâm ý xu hướng thiện như tín, tiến, niệm, định, tuệ v.v... Hoặc xu hướng ác như tham, sân, phẫn, hờn, kiêu mạn v.v... Những hiện tượng tâm lý này tạo nghiệp đưa đến quả báo và tái sanh.

Những hiện tượng tâm lý và sinh lý hiện tại là kết quả của hành trong quá khứ. Hành tạo năng lực tiềm ẩn điều khiển thúc đẩy tâm thức trong chiều sâu. Kinh gọi là phiền não tùy miên. Luận gọi là câu sanh phiền não. Chúng làm nền tảng và lực đẩy để hình thành một năng lực hành mới, dẫn dắt hữu tình dần dần đi đến tương lai.

Nương giáo pháp, biết rõ hành uẩn duyên sanh, vô thường vô ngã, con người nhờ định lực có thể dừng bước trên con đường sanh tử vô tận.

THỨC UẤN. Tâm chúng ta khi hiểu biết chính xác sự vật thì gọi là Trí. Khi theo duyên tuần nghiệp phân biệt đối tượng thì gọi là Thức.

- 1/. Mắt duyên sắc sanh ra nhãn thức.
- 2/. Tai duyên thanh sanh ra nhĩ thức.
- 3/. Mũi duyên hương sanh ra tỵ thức.
- 4/. Lưỡi duyên vị sanh ra thiệt thức.
- 5/. Thân duyên xúc sanh ra thân thức.
- 6/. Ý duyên pháp trần sanh ra ý thức.

Không có nhân duyên, thức không sanh.

Như cọ xát hai cây que thì hơi nóng sanh. Hai que rời nhau, hơi nóng diệt. Như vậy thức tùy duyên sanh diệt. Chánh trí phải

quan sát để thấy như thật rằng: “Sự phân biệt này không phải tôi, không phải của tôi” để biết chán lìa.

7/. Mặt na là ý căn, gốc phát sanh ra ý thức, niệm niệm chấp ngã.

8/. A lại da, Tàu dịch là tạng thức, cái kho chứa đựng và duy trì tất cả nhân quả sanh tử. Tâm thức này thật thể ở khắp pháp giới nhưng vì vô minh nên cứ thấy cảnh liên khởi tâm yêu ghét, không ngờ là đã mắc vào chỗ đầu thai. Thân sau gọi là tái sanh vì là hậu quả của thân năm uẩn cũ. Tâm thức là một chuỗi biến đổi duyên sinh làm sống bào thai và là cái Biết của sáu giác quan sau này (vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc).

VẤN KẾT: Năm uẩn là một liên kết chặt chẽ. Trong sắc có tâm, trong tâm có sắc, nương nhau có mặt. Không thứ nào đích thực làm chủ. Tương Ứng Bộ Kinh nói: Sắc

như bọt nước thoáng hiện liền tan. Thọ như bong bóng trống rỗng. Tưởng như quàng mặt trời chốc lát mất tăm. Hành như nước chảy. Thức là ảo thuật, đang không biến ra có. Tuy có rõ ràng mà thật là không.

Con người có thói quen tự cột chặt vào 5 uẩn. Những tập khí vô minh đều nhận là tôi: tôi sợ hãi, tôi ưa thích, tôi nóng tánh, tôi phiền não v.v... Nên cứ bị kích thích tạo nghiệp.

Đức Phật dạy: “Ai không chấp trước sắc thọ tưởng hành thức là ta. Người này thoát khỏi ác ma”. Như vậy gốc khổ không phải ở 5 uẩn mà ở thói quen chấp ngã, cứ tự dính mắc vào 5 uẩn. Nếu giác tỉnh, buông 5 uẩn ra, không thủ chấp, thì những thứ này, vốn không tự thể, sẽ tự tiêu tan dần dần.

Nay chỉ có việc vâng lời Phật, tu tập các pháp quán, ý thức một khi đã chuyển thành diệu quan sát trí thì mặt na sẽ tỉnh ra, được

tên là bình đẳng tánh trí. Năm thức trên sẽ là thành sở tác trí. Tạng thức, đại viên kính trí, ở nơi vạn pháp, sẽ thành chánh đẳng chánh giác.

QUÁN BÁT TỊNH

(Viết theo Phật Học Phổ Thông)

Trong đời còn gì quý hơn thân. Ta nâng niu đủ điều, cung phụng nó đủ thứ, đùm bọc nó trong gấm vóc lụa là, cung chiều nó trong nhà cao cửa rộng. Người ta dám làm tất cả bất nhân tổn đức để mong cho nó sung sướng. Cái thân được thế gian quý trọng đến thế, sao đức Phật lại cho là một vật đáng gớm ghê?

1- Chủng tử bất tịnh. Thân thức đầy tham sân si theo nghiệp dâm dục vào tử cung mẹ, vợ lấy tinh cha máu mẹ kết tụ thành bào thai. Rõ ràng thân mạng con người, cả vật chất tinh thần đều bắt đầu bằng chất liệu nhơ bẩn, chẳng có gì đáng tự hào.

2- Trụ xứ bất tịnh. Người nữ nào mỗi tháng cũng có một số máu vớt đi gọi là kinh

nguyệt. Máu tanh hôi này đọng chứa lại trong tử cung mẹ để làm thức ăn cho thai nhi. Tại địa ngục huyết hồ này, con trùng nhỏ phải kính hiển vi mới trông thấy, dần dần lớn lên, trắng như hạt mủ. Rồi thành miếng bầy nhầy, cục thịt. 49 ngày sau thành hình người, lớn dần, nằm co quắp. Đủ 9 tháng 10 ngày, từ chỗ như bần chui đầu ra, chào đời bằng tiếng khóc oa oa, chứng tỏ đang bị đau đớn cùng cực. Cụ Ôn Như Hầu bảo rằng:

Khóc vì nỗi xót xa sự thế,

Ai bày trò bãi bể nương dâu!

3- Tự tướng bất tịnh. Đứa trẻ nhờ tiêu hóa lớn lên. Món ăn thơm ngon đến đâu, đặt vào miệng liền trộn đờm dãi. Cách một đêm đã thành phân tiểu. Bài tiết ra ngoài, ngay chủ nhân nó cũng phải chán ghét. Toàn thân tám vạn chân lông, hơi ra cũng hôi, nước ra cũng hôi, cáu ghét ra lại càng như bần. Vài

ngày không tắm, bản thân ngứa ngáy nóng bức khó chịu. Người ngoài ngại hôi chẳng muốn ngồi gần. Sáng ngủ dậy, ai nấy vội vàng súc miệng. Nếu không, e người đối diện phải bịt mũi mỗi khi ta nói chuyện.

Đôi mắt ra ghèn, hai tay ra ráy, mũi chảy nước nhớt, miệng khạc đờm dãi. Hàng ngày đại tiện ra phân thối, tiểu tiện ra nước khai. Những khi đau ốm, mồ hôi thum thum, mùi phân tiểu càng nặng nề. Chín khiếu huyết như những cái cống tải ra những thứ phế thải như thế thì biết thân là cái máy chuyên sản xuất những vật như nhóp. Nếu chứa lại một đời sẽ ung độc không khí, đem nguy hiểm cho người ở gần.

4- Tự thể bất tịnh. Toàn thân là 32 thể trực chia làm 3 loại: a) Chất cứng như tóc, lông, móng, răng, da... b) Chất lỏng như máu, mủ, nước miếng... c) Chất sệt như óc, tủy, mỡ

đặc... Lỡ rủi bắn ra một chút vào áo ai, người ta liền có cử chỉ tỏ rõ sự nhòm gớm.

Thấm thoát đến ngày đầu bạc răng long lưng còng gồi mỗi. Như mùa đông đem giá lạnh về phá hoại hết xanh tươi của vườn cây. Tuổi già đem khô héo về kiệt tàn hết sắc đẹp, nhanh nhẹn, sức khỏe và vui sống.

5- Rốt cuộc bất tịnh. Lâm chung, cái xác chết là vật thể gian ai ai cũng ghê sợ. Toàn thân toát ra khí lạnh vừa hôi vừa độc, dễ gây bệnh hoạn. Hơi thở ngưng. Da mặt xám ngắt. Không còn nghiệp thức chấp trì, nước trong người thoát sức ép, bật ra, phá vỡ các tế bào, khiến thân phù sưng trương phình. Để vài ngày, da nứt loét, máu mủ rỉ chảy. Xú khí bốc lên nồng nặc. Con hiếu vội sớm chôn kỹ dưới ba thước đất, sợ người phỉ nhổ để tủi cho vong linh mà cũng vì phép nước bắt buộc phải giữ vệ sinh cho người sống.

Ở trong lòng đất, từ nay mặc cho dòm bọ lúc nhúc, kiến rủa mối rúc. Da thịt tiêu dần, bộ xương sẽ long rụng từng mảnh, đầu lâu long vỡ, tất cả mủn tàn, hiện nguyên hình là đất.

Niệm thân giác tỉnh ngã ái, cởi gỡ ngã kiến, tiêu tan ngã mạn. Thứ này là một tệ nạn vì với người kém nó khinh miệt, với người hơn nó tật đổ, làm nặng nề không khí môi sinh.

Niệm thân có 5 công đức không thể nghĩ bàn:

- 1/. Tiêu ba độc tham sân si là một ách nạn từ vô thủy.
- 2/. Bình tĩnh ngự trị những khổ vui sợ hãi.
- 3/. Kham nhẫn tất cả đau khổ về thể xác và tinh thần.
- 4/. Dễ dàng tu các thiện pháp để đạt giác ngộ và thắng trí.
- 5/. Tiến đến tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

BÁT NHÃ BA LA MẬT

(Tổ Huệ Năng giảng trong Pháp Bảo Đàn Kinh)

Tu nhất hạnh tam muội là sống với căn bản Bồ-đề. Đi đứng nằm ngồi, trong chùa ngoài chợ, không một lúc nào mê, quên tánh Bồ-đề (căn bản trí hiện tiền). Tam muội là chánh định. Nhất hạnh là trực tâm, buông sạch căn trần thức, sống thẳng với chân tâm bản tánh. Đối với tất cả pháp không chấp trước, không kẹt vướng, không dính mắc.

Trí Bát Nhã Bồ-đề ai cũng tự có. Chỉ vì mê nên phải nhờ thiện tri thức chỉ đường mới thấy được tánh mình. Mê ngộ không đồng nên có ngu trí, Phật tánh không khác.

Trọn ngày tụng Bát Nhã mà không biết tự tánh Bát Nhã như người nói ăn mà không ăn nên không no. Bản tánh là Phật. Là tánh không riêng có Phật.

Ma-ha: Tâm lượng rộng như hư không, không hình tướng, không màu sắc, không sân hỷ phải quấy. Diệu tánh không một pháp nhưng chớ chấp không vô ký. Phải biết chân không nên diệu hữu. Tánh chân không bao hàm cả muôn pháp nên gọi là lớn. Muôn pháp đều từ tánh chân không của mọi người mà xuất hiện. Bọn tà kiến để tâm rộng không, trăm việc không nghĩ đến. Bậc trí khoan dung tất cả ác lành, không nhiễm không xả. Tâm như hư không nên gọi là Ma-ha.

Người đại nói suông,

Người khôn tâm hành.

Ba la mật: Đến bờ kia, lìa sanh diệt.

Niệm trước mê, tức phàm phu. Niệm sau ngộ, tức là Phật. Chấp cảnh tức phiền não. Lìa cảnh tức Bồ-đề.

Dùng Bát Nhã phá năm uẩn, biến tham sân si thành giới định tuệ. Thấy tất cả pháp, tâm không nhiễm trước ấy là vô niệm. Dụng

ở tất cả chỗ mà không dính mắc một chỗ nào. Chỉ thanh tịnh bản tâm, 6 thức vẫn ra vào 6 cửa mà không tạp không nhiễm 6 trần. Tự do thông dụng không kẹt tức là Bát Nhã tam muội. Tự tại giải thoát là vô niệm hạnh.

Nếu trăm việc không nghĩ khiến niệm bật đi, ấy là pháp phục, ấy là biên kiến.

Người chân chánh tu hành,

Không thấy lỗi thế gian.

Nếu thấy lỗi người khác,

Lỗi mình ngay tại đây.

Chỉ lo dẹp lỗi mình,

Phá trừ các phiền não.

Yêu ghét chẳng bận lòng,

Duỗi thẳng hai chân nghĩ.



BÁT NHÃ TRONG CỬA THIỀN

*Hòa-thượng Thanh Từ giảng vào những ngày
lễ tất niên*

Kinh Viên Giác: Biết huyễn tức ly, không cần phương tiện. Là huyễn tức Giác cũng không tiệm thứ.

Thấy được thân tâm hư dối huyễn hóa tức là Giác. Giác thì vô minh tan như thấp đèn sáng thì tối phải mất. Hết vô minh tức dứt dòng sanh tử.

Con đường tu hành quá rõ ràng trải trước mắt. Hằng tỉnh giác, thấy rõ thân tâm ta người không thật nên dễ dàng cởi gỡ phiền não.

Sách nói: Tám gió thổi không lay động. Tám gió là thịnh lợi suy hao, hủy nhục đề

cao, khen ngợi chê hiềm, buồn khổ an vui.
Người tu phải tập bình thản với danh lợi.

Giác ngộ và giải thoát rồi, chúng ta nguyện đem đức tuệ tiếp nối tâm từ bi của các bậc đi trước, soi sáng đường sanh tử hiểm nguy cho người đi sau. Phải nỗ lực tiến tu, không thể dễ duôi dễ ngày tháng trôi qua, uổng công trông chờ của cha mẹ thầy tổ. Tu sĩ sống nhờ hạt cơm manh áo của đàn na tín chủ, phải cố gắng đền đáp xứng đáng công ơn xã hội.

TẤT NIÊN KỶ TỶ 1989

- I -

Tại sao có người tu lâu lại cảm thấy ngán buồn?

– Vì họ sống không có mục tiêu chân chánh.

*Mạng sống trong một hơi thở,
Lòng tham như biển mông mênh.
Cung ma thật là đáng sợ,
Đất Phật còn xuân nào hơn.*

Hai câu đầu đức Điều Ngự Giác Hoàng cảnh sách mạnh mẽ, đánh thức chúng ta nhận ra hai sự thật:

- Thân con người hết sức mong manh ngắn ngủi.
- Lòng tham của chúng ta lại không đáy không bờ.

Hai câu dưới so sánh hai con đường: a) Nếu theo đuổi tài sắc danh lợi, dễ tạo nghiệp xấu ác, sẽ đi về cảnh giới đen tối khổ đau. b) Nếu hướng về thanh tịnh giác ngộ thì tất cả hạnh phúc thế gian không thứ nào bì kịp.

Mong rằng tất cả Tăng Ni Phật tử ai nấy đừng thoái Bò-đề tâm mà phấn chấn tiến tu trong ánh sáng trí tuệ của Như Lai.

- II -

*Dưới hoa oanh hót,
Mười sáu tuổi xuân,
Cô gái thêu gấm.
Đáng quý bao nhiêu
Khi cô dừng kim
Không nói một lời.*

Niết-bàn chữ Pali là Nibbàna. *Nib:* không. *Bàna:* thêu dệt. *Nibbàna:* không thêu dệt, không đan kết, không tạo nghiệp, không tự ràng buộc vào vòng luân hồi sanh tử.

Người xuân: cô gái 16 tuổi. *Cảnh xuân:* hoa nở chim hót. *Đang thêu gấm:* cảnh vui trời người. Nhưng cô đã dừng tay (đứng lại không đi đường sanh tử nữa, an định tinh thần vào cảnh giới vô sanh, mục đích tối thượng mà hàng Tăng Ni Phật tử phải đạt tới).

Ngài Huyền Quang, Tổ Trúc Lâm thứ 3, hiện tượng hóa cảnh giới Niết-bàn bằng hình

ảnh một thiếu nữ dừng thêu không nói. (Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt: Chân tâm bản tánh bất đường ngôn ngữ, dứt chỗ tâm hành. Chỉ có cách xả vọng chứng chân chớ không thể dùng lời nói để diễn tả hay dùng tâm phân biệt 6 trần mà suy nghĩ tìm hiểu được.)

ĐẦU NĂM CANH NGỌ 1990

Ngày Tết chúc nhau hạnh phúc. Song tươi đẹp từ đâu ra? Từ nội tâm hay từ ngoại cảnh? Muốn hết khổ hưởng vui, chúng ta phải làm gì?

1. Trước hết phải tu tỉnh. Biết những vui thế gian như săn bắn, cờ bạc, uống rượu v.v... là gốc khổ cần tránh xa.

2. Biết thân tâm thanh tịnh ở nơi an vắng là vui.

3. Có duyên lợi ích mọi người, khiến người vật quanh mình đỡ khổ, ta vui.

4. Thắng được giấc phiền não là vui chân thật. Thua nó là gốc đau khổ. Người thế gian nghe một lời trái ý liền đáp ngay. Đáp mạnh cho xứng đáng. Ngờ đâu gieo hòn vào lòng người thì họa sẽ đến ta.

5. *Kinh Lăng Nghiêm*: Diễn Nhã Đạt Đa soi gương thấy mặt mũi rõ ràng. Úp gương xuống bàn, không thấy đầu nữa. Anh hốt hoảng: Tôi mất đầu! Thế là phát điên bỏ chạy đi tìm đầu.

Ngài Anan nghe dạy “suy nghĩ không phải tâm ông”, giật mình lo sợ: “Vậy thì con cũng như gỗ đá, không có tâm”. Phật an ủi, phân tách cho ông nhận ra. Cái tâm suy nghĩ hàng ngày chỉ là thói quen phan duyên sáu trần. Rồi những bóng ảnh ngoại cảnh, không có tâm suy nghĩ. Đó là thứ đối trần liền mê, lia trần liền mất. Trái lại chân tánh của ông vẫn thường trụ diệu minh như cái đầu thật của Diễn Nhã Đạt Đa đâu có mất. Anan vui

mừng nói kệ tạ ân Phật đã “tiêu ngã ức kiếp điên đảo tưởng”.

Đây là cái vui giác ngộ được tự tánh vô sanh. Vậy bước sang năm mới, cầu chúc quý vị một năm an vui giác tỉnh.

TẤT NIÊN CANH NGỌ 1990

Người tu khi thắng không tự hào, khi trầm không buồn khổ. Đổi thay là cơ hội để ta tự biết mình. Hãy học cách xử sự của đức Phật qua các hoàn cảnh.

Kinh 42 chương: Đức Phật đi khát thực. Một bà-la-môn lẽo đẽo theo sau, vừa đi vừa chửi Phật thậm tệ. Đức Phật im lặng. Bà-la-môn càng tức càng chửi. Cuối cùng ông chạy lên trước mặt Phật, hỏi: Cù Đàm có điếc không?

– Không.

– Sao ta nói không trả lời?

Đức Phật dịu dàng hỏi lại: Khi ông đem quà tặng ai mà người kia không nhận thì quà đó làm sao?

– Thì tôi đem về chớ sao?

– Cũng thế, tôi đã không nhận thì những tiếng chửi của ông nào có dính dáng gì đến tôi đâu.

Hơn thì mua oán,

Thua ngủ không yên.

Hơn thua đều xả,

An ổn ngủ ngon.

Chúng ta cần lấy đoạn văn này làm kinh nhật tụng.

Kinh A Hàm: Đức Phật và Anan trên đường giáo hóa, bỗng một đám đông đủ cả nam nữ già trẻ xông ra, đua nhau chửi. Đức Phật thản nhiên tiến bước. Anan chịu không nổi, xin Phật đi nơi khác.

– Đi đâu Anan?

– Nơi nào không bị bạc đãi.

– Những người chưa phân biệt được Thiện và Ác, đang lao mình vào những quả báo nguy hiểm. Như Lai đâu nên chọn nơi nào vừa ý mới giáo hóa.

– Nhưng bạch đức Thế Tôn, họ có nghe đâu mà giáo hóa.

– Bệnh nhân sốt quá hóa điên đánh thầy thuốc. Thầy thuốc hấn không hờn giận mà càng xót thương, lo tìm cách chữa trị chớ đâu có ruồng bỏ.

Trong đám đông, có người tò mò lắng nghe hai thầy trò đối đáp, khởi tâm cảm phục, thỉnh Phật lưu lại thuyết pháp. Một thời gian sau, sự giáo hóa có nhiều kết quả. Tạm đã đầy đủ gieo nhân giải thoát cho cả vùng, đức Phật an nhiên bình tĩnh đi nơi khác.

Dưới tầm con mắt chúng ta, Đề Bà Đạt Đa đã đem cho Phật trăm cay ngàn đắng.

Nhưng kinh Pháp Hoa tuyên bố: “Nhờ Đề Bà Đạt Đa thiện tri thức mà nay ta mới được thành Phật” và thọ ký Đề Bà Đạt Đa sẽ thành Phật hiệu là Thiên Vương.

Chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa này. Tất cả chúng nạn đều là thiện duyên. Những kẻ ngang ngược là thiện tri thức.

Với trí tuệ Bát Nhã, con đường tu hành quả là rộng rãi thênh thang.



BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

*Bài thi giảng được giải nhất của Tỳ-kheo-ni
Thường Minh ở Bát Nhã Ni Viện, Phú An.*

Có trí tuệ là có hạnh phúc. Không trí tuệ nhất định chỉ ưu bi khổ não. Cổ đức nói: Bát Nhã là cánh cửa bình an.

Lời Phật dạy ròng rã 22 năm, được Tổ kết tập thành 600 quyển. Nghĩa lý mông mênh như biển cả rộng sâu, bát ngát như trời cao thăm thẳm. Thương thế gian chuyên đo lường bằng kiến thức, làm sao thấu đáo, ngài Xá Lợi Phất thỉnh đức Quán Tự Tại toát yếu cương lĩnh. Bỏ-tát dùng vài trăm lời xếp thành một bài tổng thâu ý chỉ, có cả hiển giáo mật giáo. Nào tựa, nào chánh tông, nào lưu thông, bổ cục đầy đủ.

Bát Nhã: căn bản trí. Kinh Lăng Nghiêm gọi là căn bản Bồ-đề. Pháp Hoa gọi là diệu pháp, cũng gọi là Phật tri kiến. Tào dịch là trí tuệ. Ở đây để nguyên tiếng Ấn Độ, muốn khỏi lầm với trí tuệ thế gian, cái thông minh lanh lẹ hoạt bát của ý thức mà kinh Lăng Nghiêm đích chỉ là căn bản sanh tử.

Ba la mật đa: Tào dịch là đáu bĩ ngạn (tới bờ bên kia). Ngũ uẩn là bờ bên này. Chân tâm bản tánh là bờ bên kia. Phiền não là dòng sông. Trí Bát Nhã là thuyền bè. Chúng ta đang sống với các thứ tham sân si mạn nghi tà kiến là còn ở bờ bên này. Bao giờ ngộ được chân tâm bản tánh, buông sạch được vọng thân vọng tâm vọng cảnh, xứng tánh tự giác giác tha, giác hành viên mãn là tới bờ kia.

Tâm: là tiếng Tào. Việt dịch là trái tim, cơ quan then chốt phân phát máu đi nuôi thân thể. Cũng như chân tâm là bản chất

của cả pháp giới, theo nhiệm duyên thì biến ra 6 phàm, theo tịnh duyên thì hiện ra 4 thánh. Ở đây chữ Tâm có nghĩa là toát yếu, tinh yếu, điểm trung tâm của 600 quyển Đại Bát Nhã.

Kinh: Danh từ đặc biệt để gọi kinh sách Phật vì:

- 1/. Khế lý, đúng với sự thật (chân lý).
- 2/. Khế cơ, hợp với căn cơ (khả năng hiểu biết và thực hành) của con người.

I- TỰA

Bồ-tát Quán Tự Tại thực hành sâu xa Bát Nhã ba la mật đa chiếu kiến 5 uẩn đều không, độ thoát hết thủy khổ ách.

Quán Tự Tại: Là tên khác của đức Quán Thế Âm. Tự Tại nói về quả tự lợi. Thế Âm nói về quả lợi tha. Tự lợi, lợi tha đều chung một nhân tu là quán chiếu Bát Nhã. Quán:

quan sát, nghiên cứu, suy tầm. Quán chiếu Bát Nhã là dùng trí vô phân biệt chiếu lý cảnh giới. Đây là thật trí y thật tướng như trong kinh Lăng Nghiêm, đức Quán Thế Âm phản văn, gỡ 6 kết, giải 5 ám, chứng tịch diệt. Tịch diệt hiện tiền là cảnh giới căn bản trí.

Trí Bát Nhã ai cũng sẵn có. Chỉ vì vô minh che lấp. Bồ-đề lâu cao, ta nương thang chánh pháp leo dần. Tập quán thân bất tịnh để dẹp ngã ái. Quán sáu trần ảo ảnh, quán tâm duyên sanh vô thường để hàng phục tham sân mạn nghi tà kiến. Trong sự việc, tập bình tĩnh tự tại, không để những trái tai gai mắt chuyển động, những lợi danh thế gian hấp dẫn. Đây là bước đầu của bội trần hợp giác. Tuy chưa không được năm ám nhưng có sức giác tỉnh, không nhận năm ám là mình, không để chúng khuynh động hướng về ác nghiệp là một tiến bộ đáng kể.

Bồ-tát: Hữu tình lấy việc tự giác tỉnh và giác tỉnh cho người làm sự nghiệp.

Thực hành sâu xa: Rễ cây đã ăn sâu thì giông bão cũng không bật gốc. Nếu hời hợt trên mặt đất thì chẳng thể còn với một tay trẻ nít. Thiện căn của chúng ta cũng vậy. Thí dụ cô tri sự vì bồn phận phải thức khuya dậy sớm. Cả ngày ngược xuôi lo lắng việc kho việc bếp, uốn nắn những buông lung, răn dạy những phí phạm. Người này thừa vị kia gọi. Hao tổn tinh thần, vất vả thể xác. Trên Sư cô Giám Viện la xuống, dưới chị em phàn nàn. Thế là chán nản phiền giận xin nghỉ. Nhận trách nhiệm khác cũng thế! Bỏ chùa đi đâu, hoàn cảnh vẫn y nhiên!

*Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Xin đừng có trách trời gần trời xa.*

Nghiệp của cô tri sự là nông nổi để ngã ái ngự trị sai khiến, không thiết tha tranh thủ phước tuệ, không nhớ bốn ẩn vô thường vô

ngã khổ và không ở trên thân bất cứ ai ai. Làm việc không vì mục đích trên cầu Phật đạo dưới lợi quần sanh mà chỉ quản ngại mọi người vô ơn, mọi người thiếu cảm tình. Nếu sâu xa tu tập Bát Nhã thì vị này ở hoàn cảnh nào, đối với người nào, làm công việc gì cũng vô ngại bình an.

Chiếu: Là lần lượt dùng 3 trí:

- 1/- Nhất thiết trí phá kiến hoặc, tư hoặc.
- 2/- Đạo chủng trí phá trần sa hoặc.
- 3/- Nhất thiết chủng trí phá vô minh hoặc.

Kiến: Là lần lượt chứng 5 mắt:

- 1/- Nhục nhãn phân biệt chánh tà chân ngụy.
- 2/- Thiên nhãn thấy cả tam thiên đại thiên thế giới.
- 3/- Tuệ nhãn chứng lý chân đế.
- 4/- Pháp nhãn chứng lý tục đế.

5/- Phật nhãn chứng lý trung đế.

Chiếu kiến tức quán chiếu Bát Nhã là Bát Nhã đức. Năm uẩn đều không, thấy tướng chân không của các pháp, chứng thật tướng Bát Nhã là Pháp-thân đức. Độ tất cả khổ ách là đạt phương tiện Bát Nhã, thành giải thoát đức. Bát Nhã đủ 3 đức là tới bờ kia (ba la mật đà).

Ngũ uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Chữ Phạn là Skandha. Chữ Pali là Khandha. Ngài Huyền Trang dịch là uẩn (chứa góp). Ngài La Thập dịch là âm (che chướng). Cổ đức dạy phải dùng cả 2 nghĩa mới đúng.

Năm uẩn là gốc khổ. Thí dụ:

Mỗi khi ta bị lờm nguýt tức khắc khổ thọ phát khởi và theo liền là tư tưởng oán hiềm. Người sáng suốt đã quen tự biết tự trị thì chỉ việc bình tĩnh. Thọ và tưởng sẽ tan biến theo tánh cách vô thường của chúng.

Một sự nhin là chín sự lành. Đây là câu nói của bậc đã dày kinh nghiệm. Nếu không thì ý căn (hành uẩn) bị bức bội tầm độc, kích thích miệng lưỡi phun ra những lời thô ác. Thế là cái sẩy đã nảy cái ung. Hành nghiệp chiêu cảm quả báo (Hành duyên thức. Thức duyên danh sắc). Sân giận đưa về loài rắn rết. Hỗn láo làm chó.

Để ý suy xét sẽ thấy. Người lờm nguýt có làm gì ta đâu. Chính thói sân giận mà ta vẫn nhận là tánh nét mình, quá khứ đã dẫn ta vào địa ngục ngã quý bằng sanh trải vi trần kiếp. Bây giờ đây, nếu không quyết liệt tiêu trừ nó, cứ để nó hiện hành thì còn vi trần kiếp nữa ta phải đọa lạc. Nếu cứ nhận năm uẩn là mình thì còn vô lượng khổ ách.

II- CHÁNH TÔNG

1/. Quán chiếu Bát Nhã.

Này Xá Lợi Tử, sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ tướng hành thức cũng đều như vậy.

Chúng sanh vô minh cho là có thật sắc, ngoài tâm gọi là ngoại sắc (cảnh trần) và sắc là chỗ ở của tâm gọi là nội sắc (thân). Nhị thừa thánh nhân biết sắc huyễn nhưng còn chấp không và cho rằng sanh tử Niết-bàn khác nhau. Đại thừa dung hòa sắc không và tâm, nguyên đồng một thể nên chủ trương tánh Bồ-đề vô phân biệt.

Quốc độ và chúng sanh đều do tạng thức biến hiện tức là thức thứ 8, cũng gọi là dị thực thức (*dị*: khác ; *thực*: chín ; *dị thực*: quả báo chín khác thời và khác loại). Thức 7 là Hành uẩn, chấp phần thấy biết (tâm) của thức 8 làm ta, niệm niệm tự ái. Thức 6 thọ khổ vui, tưởng yêu ghét. Thức 1, 2, 3, 4, 5 ở mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, biến ra sắc thanh

hương vị xúc (5 trần) để thức 6 thủ chấp, kích thích thân miệng ý tạo nghiệp và chiêu vờ quả báo luân hồi thống khổ.

Sắc là vọng thân, vọng cảnh. Thọ tướng hành thức là vọng tâm. Không là chân tánh Bát Nhã, không hình không tướng nhưng có thật thể thật dụng. Hãy quan sát xem thân ta là cái gì? Thịt, da, xương những chất đặc là đất. Nước mắt, óc, mỡ v.v... là nước. Hơi thở, nói, cười, các động tác là gió. Hơi ấm là lửa. Những khoảng rỗng trống là hư không.

Kinh Lăng Nghiêm nói: Mê muội thấy là hư không. Kết ám thành sắc. Đất nước gió lửa hư không đều là Như Lai Tạng diệu chân như tánh, tùy chúng sanh tâm, ứng lượng sở tri, tuần nghiệp phát hiện.

Khoa học ngày nay công nhận đồng, sắt, gỗ, nước v.v..., cho đến da thịt xương... tất cả các sắc chất đều không có thật thể, toàn do nguyên tử hợp thành. Nguyên tử là

những động lực không có thể chất hữu hình. Như vậy công án Sắc Không tạm được gỡ giải. Hy vọng trí thông minh nhân loại tiến thêm bước nữa, đưa Không về Tâm, chứng minh thành những sự việc hiển nhiên để tầm mắt thế gian ghé thấy được thánh lý.

Quán sắc chẳng khác không, sắc tức là không, đừng đi từ Vọng về Chân rồi lại quán không chẳng khác sắc, không tức là sắc, đừng đi từ Chân hóa Vọng. Rõ ràng toàn Vọng tức Chân. Cả Sắc và Tâm đều thế.

Ngay vọng tâm tỉnh được liền thành Bát Nhã. Nương theo trí Bát Nhã rồi thì chính vọng tâm của chín giới chúng sanh tức là chân như thanh tịnh của Phật giới. Nên nói bản Tâm Kinh là nguyên liệu để thành Phật. Vì kinh này thật tướng Bát Nhã là thể. Quán chiếu Bát Nhã là tông chỉ. Phương tiện Bát Nhã, quyền trí độ sanh, là dụng. Trí thủy

giác đoạn trừ phiền não hoặc chướng xong liền hợp với bốn giác.

Kinh Hoa Nghiêm định nghĩa thành Phật là: “Ở nơi hết thấy pháp thành chánh giác”. Đức Bổn Sư tự thấy mình ở khắp nơi, trên đám mây, trong lòng đất, giữa dòng sông, đầu ngọn cỏ... Con giun đang khổ thế nào? Nó ước mong gì? Mỗi mỗi ngài đều biết rõ vì chính ngài đang có mặt ở ngay toàn thân nó. Khắp pháp giới chỉ có Phật là sự thật.

2/. Thật tướng Bát Nhã.

a) Đây Xá Lợi Tử, cái tướng chân không của các pháp, không sanh không diệt, không như không sạch, không thêm không bớt.

Tướng chân không là thật tướng Bát Nhã. Mọi pháp là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Thế tánh chân thật của chúng ta có những đặc điểm gì?

1. Không sanh không diệt: Tánh Phật không hình không tướng nhưng công dụng đang thấy đang nghe rõ ràng. Tánh biết này của ai nấy xài. Không ai có thể cho mượn tánh biết, hưởng chi là cho hẵn. Mẹ chỉ cho con máu để kết thành da thịt xương. Thân từ bụng mẹ sanh ra, già bệnh rồi chết. Tánh Phật không phải mẹ sanh ra nên gọi là vô sanh. Không ai đem chôn được nó nên gọi là bất diệt. Đức Phật trải 3 a-tăng-kỳ kiếp tu hành, bao nhiêu thân đã sanh diệt nhưng tánh thấy tánh nghe vẫn còn.

2. Không như không sạch: Khi thấy bông hồng tánh thấy không thơm đẹp theo bông hồng. Quay ra nhìn đồng rác, tánh thấy không như bản theo đồng rác. Tổ Huệ Năng nói: “Bản lai không một vật, nơi nào vương bụi trần”. Là tất cả tướng, tức tất cả pháp, tánh Phật vượt ngoài tình chấp thế gian. Con người không thể dùng tư tưởng mà hình dung, dùng lời nói mà luận bàn, dùng suy

xét mà phân biệt. Chỉ có một cách là tự nhận thẳng lấy chân tánh của mình.

3. *Không thêm không bớt*: Kinh dạy tánh Phật như hư không. Trong cái nhà tựa hồ có hư không lớn. Trong cái hộp tựa hồ có hư không nhỏ. Trong hộp vuông tựa hồ có hư không vuông, trong hộp tròn tựa hồ có hư không tròn. Nhưng lớn nhỏ vuông tròn là do những cái hộp. Hư không đâu có vì sự vật mà thành có hình tướng.

Ở tai tánh nghe không dài, ở mắt tánh thấy không tròn. Cũng vậy, thân con voi to, thân con kiến nhỏ. Tánh chân không của cả 2 cùng ở khắp pháp giới như hư không bất động. Ở voi không phình ra, ở kiến không tóp lại. Lớn nhỏ là thân nghiệp báo giả tạm một thời gian. Chỉ cần hai đũa tỉnh ra, đừng nhận thân voi thân kiến là mình, mà sống với tánh Bồ-đề bản lai vẫn đồng thể với chư Phật thường trụ ở khắp mười phương.

b) *Trong tánh Chân Không không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức. Không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Không có nhãn thức giới cho đến không có ý thức giới. Không có vô minh cũng không có hết vô minh cho đến không có già chết cũng không có hết già chết. Không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Không có trí tuệ cũng không có chứng đắc. Bởi vì vô sở đắc.*

Năm uẩn, 12 xứ, 18 giới, các pháp này nhân duyên hòa hợp tựa hồ có sanh, nhân duyên biệt ly tựa hồ có diệt. Tự tâm bản lai thanh tịnh, chân tánh Bát Nhã chủ nhân ông, chẳng phải huyễn hóa nên kiên cố thường còn. Tánh Bát Nhã như gương. Vạn pháp như bóng ảnh. Chúng sanh mê muội chấp bóng quên gương. Với kẻ mê tâm nhiều, Phật dạy quán 5 ấm, hợp sắc làm một, khai tâm thành bốn. Với kẻ mê sắc nhiều,

Phật dạy quán 12 xứ (6 căn + 6 trần). Với kẻ mê cả sắc cả tâm, Phật dạy quán 18 giới (12 xứ + 6 thức).

Mê chấp thủ uẩn như nước kết thành băng. Giác ngộ trở về chân không như băng tan thành nước. Ngộ được chân tánh rồi mới biết năm uẩn thật không. Kinh Lăng Nghiêm gọi sắc ấm là kiên cố vọng tưởng. Thọ ấm là hư minh vọng tưởng. Tưởng ấm là dung thông vọng tưởng. Hành ấm là uẩn vọng tưởng. Thức ấm là vi tế tinh tưởng.

Vì mê nên theo nghiệp ân oán vào tử cung mẹ. Hút máu mẹ kết thành thân mới có sáu căn. Mắt nương sáng tối hiển lên hình ảnh gọi là sắc trần. Tai nương động tĩnh vang lên âm hưởng gọi là thanh trần. Mũi lưởi và thân do hợp ly khởi lên những cảm giác thơm hôi, ngọt chua, ấm lạnh. Như thế sáu căn huyền hóa, sáu trần hư ảnh, sáu thức ảo thuật đánh lừa chúng ta từ vô thủy,

bày ra thế trận mê hồn sanh tử luân hồi. Những tướng đành phận vĩnh viễn trầm luân. May mắn ngọn đuốc Bát Nhã bật sáng, bóng tối vô minh liền tan vỡ.

Nhưng cảnh giới phàm mê hư vọng đã đành, làm sao trong tánh chân không cũng không có cả thánh hiền cảnh giới? Diệt 12 nhân duyên là thánh Duyên-giác. Giải thoát khổ tập, tu theo diệt đạo là thánh Thanh-văn. Con đường Bồ-đề (trí tuệ) là hướng đi của các Bồ-tát.

Trong tánh chân không, không có thánh cảnh giới, bởi vì nhân chúng sanh bệnh nên đức Bổn Sư tạt chế ra thuốc. Nay đã biết đến đại an lạc pháp thân mỗi người đều sẵn đủ. Tất cả quả vị đều vô sở đắc. Sanh tử Niết-bàn đều là giấc mộng đem qua.

Phải ba a-tăng-kỳ kiếp tu hành, đến nổi khắp tam thiên đại thiên thế giới cõi Ta Bà, không một chỗ nào bằng hạt cải mà không

phải là nơi Bồ-tát đã xả thân vì chúng sanh, mới có đê thành đạo ở gốc Bồ-đề. Phật nhãn vừa khai, đức Thích Ca Mâu Ni giật mình, bật lên tiếng: “Lạ lắm thay, tất cả chúng sanh đều đầy đủ đức tướng trí tuệ Như Lai”. Câu nói lịch sử này như vừng mặt trời chiếu tan đêm dài từ vô thủy, đánh thức loài người đứng dậy. Chỉ cần tỉnh giấc mộng chúng sanh. Con người thật của chúng ta bản lai là ánh sáng. Nhưng phải nhớ rằng Bát Nhã kèm theo bá thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, mới có thể hiện hành phương tiện vô sở đắc. Mỗi độ có Bát Nhã đều tiến tới ba la mật. Bát Nhã rời các thiện nghiệp, đứng một mình, trở thành chấp không, đoạn hết căn lành. Hiện đời là kẻ ác, mai sau đọa lạc. Cho nên phải thành tựu tất cả các pháp lành thế gian và xuất thế gian mới gọi là trí tuệ Bát Nhã.

III- LƯU THÔNG

Bồ-tát y Bát Nhã ba la mật đa nên không quản ngại, vì không quản ngại nên không sợ hãi, xa hẳn mộng tưởng điên đảo, đạt tới cứu cánh Niết-bàn. Ba đời chư Phật y Bát Nhã ba la mật đa nên được đạo quả vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Nói Bồ-tát mà không nêu danh, nghĩa là Bồ-tát nào cũng như vậy, không một ai có thể khác.

a) Y Bát Nhã: Muốn thành Phật, phải sống với tánh Phật. Cũng như nhà nông, muốn có lúa gặt phải có thóc làm hạt giống. Không thể lờ mờ dùng bắp hay đậu thay thế.

b) Tâm không quản ngại: Chúng ta tha thiết nhận cái túi máu tanh này làm thân thể nên lo sợ đủ thứ: sợ ma, sợ trộm, sợ đói rách, sợ mất danh giá, sợ cô đơn... trăm

ngàn thứ sợ. Phật dạy quán bất tịnh. Biết thân là báo chương với những thống khổ sanh già bệnh chết, chúng ta sẽ không quản ngại những chuyện mất còn được thua. Khi ấy mới có thể tận lực tiến tu phước tuệ, phụng sự Tam-bảo, cầu ngộ đạo Vô-thượng Bồ-đề.

Bồ-tát đã thấu đáo vọng thân, vọng tâm, vọng cảnh lại sống với tuệ Bát Nhã, nên ai xin dầu cho dầu, xin tay cho tay, sẵn sàng tất cả vì lợi ích chúng sanh. Cứ như thế một mặt các ngài xa lìa mộng tưởng điên đảo thế gian, một mặt tiến tới Niết-bàn.

Ba đời mười phương Phật không một vị nào, không y Bát Nhã mà thành công. Sống với Bát Nhã chân không mới nắm được then chốt huyền vi của pháp giới.

IV- MẬT GIÁO

Cho nên biết Bát Nhã ba la mật đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, vô đẳng đẳng chú, trừ được hết thảy khổ, chân thực không hư. Vì vậy nói chú Bát Nhã ba la mật đa: “Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề sa bà ha”.

Ma ha Bát Nhã ba la mật đa!

Thần chú, tiếng Ấn Độ là dalani. Tàu dịch là Tổng Trì, nghĩa là tóm thâu cả đại tạng kinh điển. Bồ-tát Quán Tự Tại dùng danh từ thần chú để tán thán kinh Bát Nhã.

Đại: Mông mênh khắp pháp giới.

Thần: Linh nghiệm không lường.

Chú: Chúc nguyện cho ác hóa lành.

Lịch sử ngài Huyền Trang ghi: Sau bao nhiêu chương duyên, đoàn tùy tùng đã rơi

rụng hết. Một mình ngài Huyền Trang tiến vào một khu rừng đầy hổ lang, trăn, rắn. Cái chết cầm chắc trong tay. Ngài vẫn quyết không lùi bước. Màn đêm dần dần rủ xuống. Xa xa le lói ánh sáng một ngọn đèn. Đến nơi, ngài thấy một vị Tăng ngồi ngheu ngheu. Vị Tăng dạy ngài học thuộc lòng bài Bát Nhã Tâm Kinh, khuyên từ nay cứ nhất tâm trì thì sẽ hết khó khăn. Quả nhiên, từ đó ngài đi qua rừng rậm, núi cao, sa mạc, thành thị tới Ấn Độ, trở về Trung Hoa, đường bộ đường thủy, đều bình an vô sự.

Nhiều sách kể chuyện: Vua A-tu-la tấn công đánh vua trời. Đế Thích tự lượng không đương nổi, cầu Phật cứu. Phật dạy trì một câu: Ma-ha Bát Nhã ba la mật đa! Đế Thích vâng lời. Quả nhiên A-tu-la đình chiến.

Tụng Tâm Kinh tiêu ma chướng, dứt si mê ám muội nên gọi là đại minh chú. Tâm Kinh đưa người tụng đọc về tánh chân như

nên gọi là vô thượng chú. Người tu Bát Nhã Tâm Kinh, tịch và chiếu đồng thời, quả là không bậc nào khá sánh nên gọi là vô đẳng đẳng chú. Ngoại đạo, thiên, tiên dù có thần thông dòn non lấp biển, nhưng so với công đức vô lượng vô biên của bậc chánh niệm Bát Nhã thì chẳng thể dùng thí dụ ngôn từ mà nói hết chỗ thấp kém.

Hay dứt tất cả khổ: Tán thán tổng quát công dụng Bát Nhã trừ khổ vĩnh viễn cho cả chín pháp giới hữu tình.

Chân thật không hư: Kèm thêm lời ân cần vì Bồ-tát xót thương thế gian ở đáy biển vô minh, khó khăn tin hiểu công đức của chân không diệu tâm.

*Nếu đem cả trái đất,
Để ở trên ngón chân,
Bay lên đến Phạm Thiên
Cũng chưa phải là khó.*

*Sau khi Phật diệt độ,
 Người trong đời ác trước
 Tam độc kinh pháp này
 Đây thời thật là khó.
 Giả sử gặp kiếp thiêu
 Vai mang gánh cỏ khô,
 Vào lửa mà không cháy
 Việc này chưa đáng lạ.
 Sau khi Phật diệt độ
 Người tìm hiểu kinh này,
 Vì một người giảng nói
 Đây mới thật hiếm có.
 Nay việc nên phải làm
 Chỉ có trí tuệ Phật.*

(Kinh Pháp Hoa)

Với những người đầy đủ lòng tin, hoàn toàn không cần đến hiền giáo thì đây:

Thần chú Bát Nhã:

Yết đế, yết đế: độ đi! độ đi!
Ba la yết đế: độ đến bờ kia đi!
Ba la tăng yết đế: độ tất cả lên bờ kia!
Bồ đề: trí giác.
Sa bà ha: ngay lập tức!

Ma ha Bát Nhã ba la mật đa: Bồ-tát kết thúc bài tụng bằng lời xưng tán: Lớn lao thay! Trí tuệ vượt sông mê ba cõi để lên bờ giác ngàn xa!

V- VẤN KẾT

Bồ-tát Quán Tự Tại y Bát Nhã (chân) soi chiếu 5 uẩn (vọng). Do đã tan hết 5 lớp mê lầm (*ngũ trước*) nên giải thoát tất cả khổ ách. Thân, tâm, cảnh, cuộc đời thế tục hoàn toàn hư vọng nhưng thể chất lại chính là chân không, tánh Phật tuyệt đãi. Phạm thánh đều hư vọng, bởi vì vô sở đắc. Công phu tu hành

chỉ để giải thoát vô minh, mà nhận lấy tự tánh bản lai đầy đủ. Kinh Lăng Nghiêm nhắc tới anh chàng Diễn Nhã Đạt Đa tự cho là mình đã mất đầu nên phát cuồng. Nay chỉ cần biết đầu không mất, tức khắc hết cuồng.

Chúng ta chỉ cần an định sống với tự tánh Bồ-đề bản lai thường, lạc, ngã, tịnh. Đừng cuồng loạn phân biệt nữa, thì hẳn không bị ba độc tham sân si kích thích tạo nghiệp sát, đạo, dâm, vọng. Đã không tạo nghiệp thì đâu có quả báo khổ. Cho nên nói: Cuồng hết tức Bồ-đề, chẳng do cầu ai mà được. Cũng chẳng phải từ công phu tu mà chứng đắc. Chỉ Bát Nhã mới có lực dụng phát sanh ra Bồ-tát và chư Phật.

Mật giáo dành cho người có đức tin và Hiền giáo dành cho người dùng tuệ vào đạo.

VI- PHỤ GIẢI

Bát Nhã không hình không tướng nhưng có thể chất chân thật. Tuy bất biến mà vẫn tùy duyên. Nếu khởi tâm mê ác sẽ cảm quả báo sáu phàm. Nếu khởi tâm minh tịnh sẽ hiện bốn thánh. Thánh phàm hư vọng nhưng còn ở trong chiêm bao, còn khổ vui theo cảnh.

Bước đầu học Bát Nhã phải dừng mãnh nghiệp chân hạch ngục, hiển chánh tội tà, oai nghi vững vàng, giới luật nghiêm trì, cẩn thận ba nghiệp.

Luật Sadi kể chuyện: “Một tam tạng pháp sư lên chánh điện, thấy một Tỳ-kheo già tụng kinh giọng ồ ề, liền nói đùa: “Ông tụng kinh như chó sủa”. Chỉ vì một lời buông lung này mà 500 đời ông phải làm thân chó”.

Giả sử hôm ấy có một bà già nhà quê lên chánh điện. Hẳn bà vui mừng sụp lạy tán

thán lão Tăng đang tụng kinh. Lòng dạ chất phác chỉ dăm dăm một quyết định: Tăng tụng kinh là quý lắm. Tâm tùy hỷ này lâm chung hẳn về cõi trời.

Chúng ta hãy xét kỹ: Tam tạng pháp sư, trời người đánh lễ, ai đã bắt ông biến thành con chó? Ai đã úm ba la cho bà già quê hèn kia hóa thành một thiên tử hào quang sáng ngời? Ông thầy già tụng kinh có phép lạ gì mà đã đưa được một người lên cao vút, đẩy một người xuống vực thẳm? Thưa: Đây là do tâm ta tự chuyển động. Cứ một niệm chuyển động là một đời sanh tử.

Đức Phật xót thương dạy chúng ta chuyên tâm niệm Phật A Di Đà. A Di Đà là thật tướng Bát Nhã vô lượng quang thọ (tánh giác không sanh diệt). Niệm nghĩa là nhớ không quên. Lấy tánh Quang Thọ làm cảnh ngày đêm tập nhớ không loạn. Buông hẳn cái thân nghiệp báo, cuộc đời giả tạm, một

lòng thực hành sâu xa pháp Bát Nhã ba la mật. Lại nhờ tha lực là sự ủng hộ của đức Phật A Di Đà. Phật A Di Đà đã thành công đắc quả trong sự nghiệp trở về này. Ngài nguyện che chở giúp đỡ những ai tu phương tiện này. Lâm chung, nghĩa là khi chúng ta tới cửa ải sanh tử, ngài sẽ tiếp dẫn khỏi bị lạc đường, đưa về Tịnh-độ. Nơi đây có Phật làm thầy, Bồ-tát làm bạn để tu học, sớm chứng vô sanh, sớm đủ khả năng rộng độ hữu tình, đồng thành chánh giác.

Thường lệ các nước đại thừa như: Nhật Bản, Trung Hoa, Triều Tiên, Việt Nam sau các khóa lễ, bắt luận tụng kinh gì, cũng bỏ khuyết một bài Tâm Kinh. Bởi vì số đông người tụng kinh Phổ Môn chỉ nghĩ đến cầu an, tụng kinh A Di Đà chỉ nghĩ đến cầu siêu, tụng các kinh khác chỉ nghĩ đến cầu phước.

Bản hoài giảng sanh của đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật là làm sao cho tất cả

chúng sanh đồng thành Phật đạo. Mục đích liệt Tổ đặt ra tục lệ tụng kinh là để nhắc nhở Phật tử trở về chân tâm bản tánh. Phổ Môn là lực dụng của Diệu Pháp. Diệu Pháp Liên Hoa chính là Bát Nhã chân không chẳng như chẳng sạch.

Tâm Kinh đã nói rõ: Y Bát Nhã ba la mật đa rũ sạch lầm mê là Bồ-tát. Bồ-tát là gốc để thành Phật. Thành Phật là gốc của tất cả giải thoát và an vui.



THIỆT THẬT TU TẬP

Phật Niết-bàn đã hơn 2000 năm. Lịch đại Tổ sư vận hành bánh xe pháp từ thế kỷ này sang thế kỷ khác. Tiếp nối là bảy chúng sau này. Quan hệ là chính chúng ta phải chân thành thường xuyên suy ngẫm và thực hành. Đời sống hàng ngày cần được lời Phật hướng

dẫn. Tu hành không có nghĩa là vào chùa hay lên rừng mà là thực nghiệm. Qua tu tập dưới ngọn đèn Phật pháp, chúng ta tự biết mình, nhận chân được bản chất của mình.

– Này hiền giả, ai nói pháp đoạn tận tham sân si là người nói chánh pháp. Ai hằng đoạn trừ tham sân si là người khéo học Phật pháp. Ai chặt đứt tham sân si tận gốc rễ là người khéo đến trong đời.

Thế nên vấn đề cấp thiết để thực hiện sứ mạng hoằng dương chánh pháp là quán chiếu nội tâm, chánh niệm tỉnh giác. Thay vì tham hiểm vũ trụ, Phật dạy chúng ta tham hiểm ngay tâm mình. Cuộc tham hiểm này hãn thú vị và có rất nhiều bất ngờ.

Giao tiếp với bất cứ đối tượng nào, cần giữ tâm an bình không yêu ghét. Muốn được như thế hàng ngày phải quán bất tịnh. Hộ giữ sáu căn, tâm ý sẽ thanh tịnh như mặt hồ phẳng lặng.

Văn học cổ điển Việt Nam có bài thơ nhan đề là Tự Phật.

- 1- Hòa nam khẩu thỉnh Di Lạc Phật:
- 2- Phúc trung hứa đại tàng hà vật?
- 3- Tiểu vân: trung hữu nhất đoàn băng.
- 4- Chỉ thị không không, vô xứ ngật.

Giải nghĩa. Tự Phật: Phật ở nơi mình.

1. Dập đầu đỉnh lễ bạch đức Phật Di Lạc:
2. Trong bụng lớn thế chứa vật gì?
3. Cười rằng: Trong có một hòn nước đá.
4. Chỉ là chân không Bát Nhã, không chỗ nào ăn uống.

(Hoàn toàn lạnh việc đời. Lạnh không phải là đối với nóng. Tâm thể như như, không có sự phá rối của sáu giác căn trần. Ăn uống là nhu cầu cần thiết của xác thân sanh diệt. Không không: vượt ngoài đối đãi nhị biên: có không, sanh diệt.)

BỐN HOẰNG THỆ NGUYỆN

Hòa-thượng Thích Trí Tịnh

II. Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ.

Chúng sanh. *Sanh:* trước không nay có. Thí dụ mẹ sanh con. *Chúng:* đất nước gió lửa hư không kiến và thức, 7 đại hợp thành. Mỗi pháp có ra phải từ nhiều nhân nhiều duyên.

Không đại chung cả hữu tình vô tình. Y vào không đại thành tựu các hình sắc. Hỏa đại là nhiệt độ. Dương độ hay âm độ (0°) cũng thuộc hỏa đại. Tất cả đang động chuyển. Giả tử như ta ngồi yên nhưng máu vẫn chảy, tim vẫn đập, mũi vẫn thở v.v... Động chuyển như thế là gió, thuộc phong đại. Đất nước gió lửa hư không và thức đại triển miên hợp ly ly hợp thành các sự vật, gọi là lục hòa hiệp. Sáu đại năng tạo. Sở tạo

là cả sáu đạo chúng sanh. Hữu tình chúng sanh là chánh báo, vô tình chúng sanh là y báo.

Đất nước gió lửa tạo ra tứ vi (sắc hương vị xúc) của con mắt. Nhãn thức ở thị giác thần kinh tiếp xúc trần cảnh. Thể chất của nhãn thức gọi là kiến đại hay nhãn căn.

Chánh báo là chỗ chính thức chúng sanh chịu quả báo khổ vui. Y báo là nơi chánh báo dựa nương để sinh sống. Thân ngũ ấm là chánh báo, đứng trên đất, ngồi trên ghế, ở trong nhà. Đất ghế nhà là y báo. Cho đến quần áo, cơm ăn, gió thổi, mặt trời đều là y báo. Chánh báo, y báo bao giờ cũng đi đôi, không thể tách rời.

Vô biên:

- a) Tánh vô biên chính là pháp giới tánh.
- b) Tướng vô biên. Chúng sanh có 4 loại:
 - 1- Sanh trứng như chim, rùa, cá v.v...

- 2- Sanh thai như người, chó v.v...
- 3- Sanh ẩm ướt như muỗi, sâu bọ v.v...
- 4- Hóa sanh như trời, địa ngục v.v...

Lại có 4:

1. Có sắc như người, vật v.v...
2. Không sắc như trời vô sắc, thần hư không.
3. Có tướng như ma, quỷ v.v...
4. Không tướng như trời vô tướng.

Cũng có cõi trời phi tướng phi phi tướng. Cả 9 loài đều nhiều không đếm được nên gọi là vô biên.

Vì sao Bồ-tát phát nguyện độ chúng sanh?
 Vì do nhiều nhân duyên sanh, nhiều nhân duyên diệt nên không biết bao nhiêu khổ não phiền toái bao trùm mỗi chúng sanh. Cõi trời, cảnh giới được coi là sung sướng nhất mà con mắt Phật cũng chỉ thấy toàn khổ não. Kinh Pháp Hoa gọi cả ba cõi là nhà lửa,

chúng sanh mê muội lấy khổ làm vui, cứ bám chặt lấy không chịu rời. Ngay từ lúc ở trong bào thai đã bao nhiêu khổ. Rồi oa oa tiếng khóc chào đời, lo ăn kiếm sống để lại già bệnh chết. Lâm chung còn đọa lạc cả ngàn vạn kiếp. Thân tâm bao nhiêu đau đớn trong các địa ngục lửa, hoặc bị mổ bụng chặt đầu trong loài bàng sanh, hoặc đói khát trong loài ngã quỷ.

Kinh dạy thần thức thoát xác khó hơn rùa lột mai. Nên biết người mới chết, bên ngoài tựa hồ nằm nghỉ nhưng thật ra thần thức đang chịu đau đớn. Nếu ta đụng vào, họ khổ quá nổi sân. Con cháu khóc lóc họ khởi tâm quyến luyến. Dù sân dù ái đều đưa về đường dưới. Tang gia phải vô cùng thận trọng. Làm sao cho người chết ra đi với một tâm niệm lành để được một quả báo đời sau tốt đẹp.

Tổ Quy Sơn cảnh sách rằng: Tâm người trăm mối. Cái nào nặng nhất lôi đi trước. Nghiêng về lành thì đi về cõi lành. Thiên về ác thì đi về cảnh ác. Bình sinh con người, thân có 3 ác sát đạo dâm, miệng có 4 ác nói dối, hai lưỡi, thù dật, độc ác. Ý có 3 ác tham sân tà kiến. Chỉ huy ba nghiệp là tâm thức điên đảo vọng tưởng nên muốn ra khỏi luân hồi phải làm chủ vọng tâm.

Vì sao Bồ-tát phải cứu chúng sanh?

Đức Phổ Hiền dạy rằng: Trong cánh đồng mộng mênh những sanh cùng tử này có cây Bồ-đề thọ vương. Cần nước đại bi tưới gốc rễ chúng sanh mới nở hoa Bồ-tát để kết quả Phật. Cho nên Bồ-đề thuộc về chúng sanh. Các Bồ-tát phải phát nguyện độ chúng sanh mới thành đạo. Nếu không có chúng sanh, Bồ-tát trọn không bao giờ thành Vô-thượng chánh giác.

Bồ-tát làm thế nào độ chúng sanh?

Tự độ rồi độ tha. Tự giác rồi giác tha. Chính Bồ-tát là chúng sanh. Phân tích chính mình sẽ rõ biết chúng sanh khác. Bồ-tát muốn cứu giúp chúng sanh, trang nghiêm biển phước, cần hằng trí tuệ Bát Nhã hiện tiền. Vô ngã vô pháp là then chốt của lục độ vạn hạnh. Vô sở đắc là phương tiện vi diệu, để viên mãn Bồ-đề. Chúng sanh là đối tượng rất khó chế phục nên Bồ-tát phải lập nguyện mới không thoái chí.

III. Phiền não vô tận thế nguyện đoạn.

Muốn hết khổ phải biết nguyên nhân của khổ. Thiện lành đưa về sanh tử gọi là hữu lậu. Đây là những thiện lành phàm phu, có phước mà không tuệ, quả báo tạm thời đỡ khổ ở cõi trời.

Lành đưa ra ngoài thế gian gọi là vô lậu nghiệp. Phàm phu muốn giải thoát, phải học và hiểu Phật pháp, thật hành cho đúng từ

thấp lên cao. Trước hết chán khổ sanh tử, hân cầu đức tuệ hiền thánh. Nếu cứ nắm chặt không chịu rời bỏ chỗ cũ thì làm sao tu tiến, cứ quuyến luyện thân cảnh thế gian thì làm sao giải thoát?

Tứ đế là pháp phổ thông trong tam thừa thánh giáo, khổ đế đứng đầu. Khổ đế là trí tuệ quyết định thấy biết thế gian chỉ toàn khổ. Thấy biết rồi dĩ nhiên sẽ chán sợ mà tìm đường thoát ly. Đầu mỗi luân hồi sanh tử là *10 kết sử*.

a) 5 độn sử: tham sân si mạn nghi.

b) 5 lợi sử: thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ.

Đã nhiều đời huân tập nên gọi 10 thứ này là *câu sanh phiền não*. Còn tham, sân, si v.v... những kết sử khởi lên do hoàn cảnh chạm xúc trong kiếp này gọi là *phân biệt phiền não*. Quán trí thấy được lỗi của phân biệt gọi là *Kiến đạo*. Những phân biệt phiền

não sẽ đoạn trừ gọi là kiến sở đoạn hoặc (những hoặc đoạn được do kiến đạo). Nói tắt là *kiến hoặc*.

Câu sanh phiền não phải nhờ tu tập các pháp quán rồi chú tâm vào một đề mục cho tới khi được nhất tâm chánh định, nội trí phát sáng mới dứt trừ được. Tư sở đoạn hoặc (những mê hoặc do tư duy thành tựu định tuệ mới dứt được) gọi tắt là *tư hoặc*.

Kiến đạo rồi liền dứt một loạt tất cả kiến hoặc. Tư hoặc có thô tế nhiều phẩm phải đoạn trừ dần dần. Dục giới có 9 phẩm. Sắc giới 4 cõi, mỗi cõi có 9 phẩm. Vô sắc giới có 4 cõi, mỗi cõi có 9 phẩm. Tổng cộng (9 x 9) là 81 phẩm đều dựa vào vô minh bất giác (không sáng biết tánh thể bản lai sẵn có của mình). Do đây tạo nghiệp hữu lậu, chiêu vò quả báo sanh tử.

Chẳng qua vì mê muội, quên mình, vọng động, thành có đối tượng, phân chia năng sở

(bên này bên kia). Phân biệt ban sơ, Luận Khởi Tín gọi là Trí vì giác biết. Nhưng cứ tương tục không ngừng trở thành thủ chấp (chấp ngã, chấp pháp). Cái biết tuần nghiệp theo duyên mà cứ khư khư chấp chặt là sự thật, gọi là Thức. Tỉnh ra thì thức chính là tánh Phật. Nên Phật dạy tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nghĩa là đều có thể thành Phật.

Chánh báo sanh già bệnh chết. Y báo vô thường đem đến những tai nạn khủng khiếp (động đất, lụt, cháy, bão). Thân cần có gia đình xã hội mở ra những khổ ân ái biệt ly, oán thù gặp gỡ. Năm ấm xí thịnh thêm cái khổ cầu ước không toại ý.

Có người đơn giản nghĩ rằng thân là gốc khổ. Vạy chết là hết khổ. Nào ngờ thân này chết liền có thân khác. Dù chưa đủ duyên đầu thai cũng có thân trung ấm. Thân trung ấm chỉ sống 7 ngày 7 đêm. Thân trung ấm

thứ 2 kế tiếp. Cứ như thế đến thân thứ 7 là cùng. Không bao giờ có thân trung âm thứ 8. Vì thế Phật giáo có tục lệ cứ 7 ngày một lần lo làm phước để giúp vong nhân được thân trung âm mỗi tuần một tốt hơn. Sau 49 ngày vẫn nên làm phước. Kinh thí dụ như gói lương thực cho người đi xa. Con đường luân hồi thăm thăm biết bao giờ cùng. Cho nên Tịnh-độ tông chủ trương tụng kinh, niệm Phật A Di Đà, kết duyên giải thoát cho vong linh.

Số đông nhân loại sống bằng vọng tưởng tức là gieo nhân chết về quỷ thú. Nếu kèm sát sanh thời làm ác quỷ. Nếu kèm bá thí trì giới thì làm phước thần. Muốn lên cõi trời cần 10 thiện và thiên định.

Kinh Vu Lan, bà Thanh Đề chịu thân quỷ đói. Con trai là Mục Kiền Liên, đệ nhất thần thông trong hàng thánh tăng đem cơm

tới. Bà đưa cơm vào miệng, cơm hóa than hồng.

Nhị Khóa Hạp Giải: Quỷ khát cả ngàn năm, xa trông thấy sông chảy dài. Đến gần thì lại toàn là lửa, không làm sao uống được một hớp. Trong 36 loại quỷ thần chỉ có loài quỷ Hy Tự là được về hưởng con cháu cúng tế.

Lục Đạo Tập nói: Nghiệp đói khát này, loài ngạ quỷ dù phước đức làm thần vương thần tướng cũng vẫn phải chịu ít nhiều. Loài nặng nhất, thân lớn như trái núi, cổ họng nhỏ như lỗ kim nên không thể nuốt trôi một thứ gì.

Quỷ chỉ thọ được đồ cúng:

- 1- Nếu bỗn địa các linh thần cho tới.
- 2- Vật thật của thí chủ.
- 3- Quyết định để cúng vong linh ấy.
- 4- Khẩn nguyện đúng tên họ.

Ngoài ra còn rất nhiều chương ngại. Cần y pháp Mông Sơn Thí Thực, nương oai thần Tam-bảo, chẳng những quý loại được hưởng lộc mà còn phước lực gia hộ, thoát khổ vĩnh viễn về tương lai.

Kinh Địa Tạng dạy: Làm phước, hồi hướng công đức cho người chết, thì người sống hưởng 6 phần. Người chết hưởng 1 phần. Thế là âm dương cùng lợi.

Ba nghiệp thân miệng ý bị ngũ trụ phiền não **tâm độc** (kiến hoặc, tư hoặc dục giới, tư hoặc sắc giới, tư hoặc vô sắc giới và vô minh). Mỗi ngôi Bồ-tát dứt một phần phiền não. Đến ngôi Phật dứt sạch vô minh. Thời gian này phải tính bằng số kiếp và đếm bằng a-tăng-kỳ.

Thế nào là 1 kiếp? Tuổi thọ cao nhất trong loài người là 84.000 năm. Cứ 100 năm giảm 1 tuổi. Giảm cho đến chỉ còn 10 tuổi là kiếp giảm. Rồi từ 10 lại cứ 100 năm tăng

thêm một tuổi thọ cho đến đủ 84.000 tuổi, gọi là kiếp tăng. Một giảm một tăng gọi là 1 tiểu kiếp. 20 tiểu kiếp là 1 trung kiếp. 4 trung kiếp là 1 đại kiếp. Vậy 1 đại kiếp là 80 lần giảm và tăng. Trong kinh, khi chỉ nói tắt 1 chữ kiếp tức là nói về đại kiếp.

Muốn biết con số a-tăng-kỳ, xin xem phẩm A Tăng Kỳ kinh Hoa Nghiêm sẽ rõ.

Tiểu thừa A-la-hán chỉ cần đoạn trừ 84.000 phiền não trần lao.

Phiền: phiền nhiệt, nung nấu. *Não:* làm nhiều loạn. *Trần:* bụi như ô nhiễm. *Lao:* nhọc nhằn, khó khăn, chương ngại.

Tổng quát loài người có 250 thứ sai quấy đọa lạc nên đức Phật chế ra 250 giới Tỳ-kheo để ngăn chặn gọi là giới cụ túc (đầy đủ).

a) Những sai quấy này thường phạm ở 4 oai nghi đi đứng nằm ngồi: $250 \times 4 = 1000$ pháp không lành.

b) Phát khởi ra miệng có 4, ở thân có 3, gọi là 7 chi: $1000 \times 7 = 7000$ pháp không lành.

c) Như vậy trái với nhiếp luật nghi giới có 7000 pháp. Trái với nhiều ích hữu tình giới có 7000 pháp. Trái với nhiếp thiện pháp giới có 7000 pháp. Tổng cộng là 21.000 pháp không lành.

d) Động cơ chủ chốt có 4 (tham, sân, si và đảng phân): $21.000 \times 4 = 84.000$ phiền não trần lao.

Tỳ-kheo giữ đủ 250 giới tức hoàn toàn giải thoát.

III/. Pháp môn vô lượng thế nguyện học.

Kinh đại thừa dạy nhiều pháp môn. Chỉ cần thực hành cho đúng, rèn luyện điều nhiếp thân tâm hàng ngày. Không nên nói rằng vì tu mà đổ nghiệp. Phải biết thuốc mà

dùng đúng pháp, thì bệnh quyết định phải khỏi. Cần yếu là biết rõ bệnh, học kỹ pháp môn điều trị rồi như pháp thực hành. Nếu cứ mơ hồ học đạo một cách đại khái thì chánh pháp trở thành vô ích.

Độ sanh dĩ nhiên là công hạnh của Từ Bi. Bước đầu Bồ-tát tập trung tư tưởng tu Từ tâm tam muội. Kinh dạy: Với người đã nhập được Từ tâm tam muội, các ác thú sẽ cúi đầu quỳ mọp để cho vị này bước lên đầu mà đi. Với người đã thuần thực Từ tâm, chúng sanh dễ dàng quy phục. Những chống đối chướng ngại dễ dàng vượt qua.

Nhưng đừng làm từ bi với ái kiến. Ái kiến có yêu ghét đối đãi, từ bi bình đẳng. Thấy con chim xinh xinh, con mèo mũm mĩm mà thương quý là ái kiến. Biết rằng trong thân con chim kia đang có hàng chục con mạt hút máu. Ngày đêm đau ngứa mà không có tay để xoa gãi. Cái khổ này phải chịu từ lọt lòng

mẹ cho tới chết không một lúc nào ngừng. Biết rằng con mèo kia với nghiệp sát sanh thì đời này sang đời khác, chỉ qua lại trong ba đường địa ngục ngã quỷ bàng sanh, biết bao giờ được nếm trở lại hương vị cõi người, nói chi đến sự an vui. Do quan sát, thấu được những nỗi khổ, chúng ta phát khởi lòng từ bi. Phá ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, ta thực hiện được tâm bình đẳng.

Quán bất tịnh dùng 3 mẫu người, 1 yêu 1 ghét 1 bình thường, sẽ thấy rõ yêu ghét là sai. Xót thương chúng sanh mê lầm từ vô thủy, được lòng từ bi bình đẳng rồi, cứ thế sống hỷ xả với 1 phương, 2 phương... 10 phương. Đây là 4 vô lượng tâm tu theo giáo lý tiểu thừa.

Tiến lên đại thừa, học kinh Lăng Nghiêm, hiểu được nghĩa vô lượng thọ quang của danh hiệu A Di Đà Phật. Niệm được nhất tâm bất loạn, vào chánh định, sẽ được như đức Quán Thế Âm, trên hợp mười phương

chư Phật đồng một từ lực, dưới hợp mười phương lục đạo chúng sanh đồng một bi ngưng. Đã nhất tâm bất loạn tức là đã hoàn toàn sống với thể tánh bình đẳng vô sai biệt vô lượng thọ quang, tức không còn bị tướng ta người chướng ngại. Đại từ đại bi nhiệm vụ cứu khổ ban vui không còn đối tượng, gọi là pháp tánh duyên từ bi (tánh thể bình đẳng vô sai biệt làm duyên để thể hiện tác dụng đại từ đại bi). Đây là từ bi của các bậc địa thượng pháp thân Bồ-tát. Đức Văn Thù khen rằng:

Hay thay Quán Thế Âm!

Trong hằng hà sa kiếp,

Vào vi trần cõi Phật,

Được lực đại tự tại,

Khắp bá thí an vui!

Diệu Âm, Quán Thế Âm,

Phạm Âm, Hải Triều Âm,

Cứu thế tất an ninh

Xuất thế được thường trụ!

Chúng ta sống với giả tướng, chấp ta chấp người, nên hữu hạn, giúp được người này không thể giúp người kia, làm được ở đây không làm được ở chỗ khác. Phải hiểu rõ để tự thấy chỗ thấp kém, đừng tự cao tự đắc với một tí phước đức bằng hạt bụi mà tự chướng thánh đạo.

Đức Phật thì vô duyên từ bi nghĩa là cứ tự nhiên tác dụng. Vô tâm ý, vô thọ hành, ở hàng sa thế giới, độ vô lượng chúng sanh. Một lời nói tất cả chúng sanh đều tin hiểu. Như ông trời nghe ra tiếng trời. Cõi Quang Âm dùng ánh sáng làm tiếng nói, cũng thấy ra ánh sáng tiếng nói của Phật, để hiểu ý Phật. Biết như thế, ta phấn chấn tiến tu. Vì mình là Phật tử thì mai đây sẽ thành Phật, cũng như tất cả trẻ con mai đây ắt sẽ thành người lớn.

Tóm lại Từ Bi có thể gian và xuất thế gian. Phạm nhân Từ Bi xả của mình để giúp người. Nếu tu các pháp quán, phá được ngã kiến sẽ được từ bi của thánh tiểu thừa. Nhập thế tánh bình đẳng là được tâm từ bi đại thừa. Viên mãn cứu cánh là vô duyên từ bi của Phật.

Kinh nói: Đức Văn Thù nhập từ tâm tam muội. Cung ma rung chuyển muốn sập. Ma vương xin quy y. Đây vì phước báo thiên ma đã hết, sắp đọa địa ngục. Nay chuyển ma nghiệp thành thiện nghiệp. Thế là hết khổ được vui.

Đại thừa, pháp môn nào cũng bắt đầu bằng sự tương thông thường. Niệm Phật, bá thí v.v... từ tán tâm đưa về nhất tâm để thành nhất vị bình đẳng. Được nhất tâm tức là quên thân quên cảnh, là tam muội, là chánh định. Chưa được bất loạn là còn quan niệm thân ta cảnh ta. Mục đích của Phật

pháp là tiến tới ba la mật, nên pháp môn nào cũng lấy chánh định chánh tuệ làm căn bản. Thế thì vì sao Phật dạy nhiều pháp môn? Vì chúng sanh kẻ nặng về hận thù, kẻ sâu về ái luyến. Đưa quá lanh lợi, đưa lại kém hèn. Gặp đúng pháp môn hợp với căn cơ sẽ mau chóng thành công.

Chúng ta nay chỉ có cái khó là không biết căn cơ của mình. Nên cẩn thận chớ vội khen chê các pháp môn của Phật. Không tội nào nặng bằng báng đại thừa pháp. Đây là nghiệp vô gián địa ngục. Trong kinh Pháp Hoa, Phật đã phân tích song song quả báo chê bai và tùy hỷ. Sơ ý chê người mà hóa ra mạn pháp báng Phật, làm hại bản thân, muôn kiếp khó ngóc đầu lên được. Phải cẩn thận lắm lắm.

Tán thán người tu một pháp môn là khen pháp khen Phật, công đức chẳng thể nghĩ bàn.

Kiếp xa xưa, Phật chịu báo thân làm con rận thì Đề Bà Đạt Đa làm con bọ chét. Chúng ta khi ấy làm thân gì không rõ. Chỉ biết ngày nay vẫn y nhiên trong vòng sanh tử.

Nếu không cố gắng thì làm sao thoát lẩn quẩn vô lượng kiếp nữa. Hoặc Nghiệp Khổ cứ mãi quay tròn. Bồ-tát học tới đâu, làm tới đó, ngay đấy kết quả. Chúng ta học Phật chỉ để nói mà không ăn nên chẳng thể no. Đến nỗi kinh sách trở thành bánh vẽ.

Bởi vì như ta nói lửa nóng. Sách viết hai chữ lửa nóng. Nhưng ở lời và chữ làm gì có lửa để thấy được cái nóng ấy. Lý nghĩa vô thượng cao siêu Phật dạy, phải đủ văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ mới phát minh ra được. Phải có tín thọ phụng hành mới được pháp ấy.

Trong sáu đạo chúng sanh, chỉ có trời người tạm đỡ khổ, có khả năng tu đạo xuất thế. Phật giáo có nhân thừa dạy giữ 5 giới để bảo vệ được trở lại thân người.

Thiên thừa dạy thập thiện, 4 định, 4 vô lượng tâm để được thân trời và cũng là những nấc thang xuất thế.

Ta thường nghe Thanh-văn thừa tu tứ đế, Duyên-giác thừa quán 12 nhân duyên, Bồ-tát tu lục độ vạn hạnh mà làm cho rằng Bồ-tát không học các pháp môn nhị thừa. Đại học đâu có bỏ 24 chữ cái và các pháp cộng trừ nhân chia. Nên người đại thừa phải học tất cả giáo lý tam thừa. Ngày nay có người tự xưng đại thừa mà các pháp môn tiểu thừa còn chưa biết. Lại còn cống cao ngạo mạn ta là đại thừa. Tự ái, ngã ái, nếu không trừ thì làm sao vào đạo? Huống chi còn đề cao tôn trọng nó.

Xưa có một vị Sadi chứng quả Tu-đà-hoàn. Người ta để ý vị này đi qua bầy kiến hay vũng nước có trùng, chân liền bồng lên hư không khoảng 10 phân. Cuộc đất không bao giờ thương tổn trùng kiến. Kinh gọi là

“đạo lực nhậm vận ly ngũ sát”. Đây là điểm đầu tiên của các bậc siêu phàm. Tỳ-kheo 30 hạ cũng không dám đi trước hay ngồi trên những vị Sadi này.

Ngài Anan vì chưa chứng A-la-hán nên bị loại, không được dự hội kết tập tam tạng. Ngài ráng tu và đắc quả, đi đến gõ cửa pháp hội. Tổ Ca Diếp đáp: “Thật A-la-hán thì cứ tự đi vào, đâu cần ai mở cửa”. Đây cũng là để cho mọi người tin Anan thật đã chứng.

Quán 12 nhân duyên, khởi đầu là khoen vô minh, ta quán thế nào? Hãy tìm nguyên nhân đầu thai của thân này. Do thấy hai nam nữ (cha mẹ) mà niệm tùy hỷ phát sanh. Niệm ái này là vô minh. Vì ái luyến nên mắc vào tinh cha huyết mẹ thành một giọt mủ bằng hạt đậu gọi là Calalã. Cứ 7 ngày biến đổi một lần, 40 lần 7 là đúng chín tháng mười ngày. Mạng căn là nghiệp duy trì bào thai. Thần thức nương hơi ấm của máu mẹ,

hiện hành giác biết đau khổ. Danh sắc đủ lục nhập, ra khỏi bụng mẹ. Xúc và thọ lãnh sáu trần, thuận thì yêu, nghịch thì ghét. Thủ chấp tri kiến tạo nghiệp. Thế là có nhân (hữu) sanh tử kiếp sau. Người tu quán ngược lại, thấy không nhân ắt không quả, lo dẹp nhân để cắt đứt dây chuyền sanh tử. Trong 12 khoen, tùy hoàn cảnh, tùy khả năng, cứ phá vỡ một khoen là được.

Quán Tứ Đế, Phật dạy: Đây là Khổ, các ông phải biết. Đây là Tập, các ông phải diệt. Tỳ-kheo quan sát suy ngẫm những khổ của sáu đạo sanh tử. Phải quán đến phát chán, phát sợ mới được trí tuệ gọi là Khổ đế. Ba tuệ sau dụng công cũng thế. Tứ Đế là trí tuệ của bậc thánh.

Trong 37 phẩm trợ đạo, Tứ Niệm Xứ đứng đầu. Phải chuyên chú đem hết tinh thần vào các pháp quán. Dù sấm sét nổ bên tai cũng mặc. Làm sao cho những tướng bắt

tịnh nhắm mắt mở mắt vẫn thấy rõ ràng. Những tham sân si mạn nghi v.v... đã ăn rễ tận đáy tạng thức. Nếu không tận tình đối trị làm sao nhỏ sạch.

Được Tứ Niệm Xứ rồi dễ dàng có tứ chánh cần. Nhưng cũng phải dụng công đoạn duyên để ác không sanh, thiện tăng trưởng.

Bốn như ý túc là 4 pháp môn thiền định đi đến thần thông như ý. Túc là cái chân. Được pháp môn này rồi thì muốn gì cũng tới.

5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 chánh đạo cần thực hiện cho đến thành công, chứng đắc thật sự. Chớ đừng nói suông.

Đại thừa lấy Bát Nhã làm nền tảng để tiến đến ba la mật. Vô sở đắc là thần chú để thành Phật. Địa nào cũng gồm tu cả 10 độ nhưng viên mãn thì đến ngôi:

Sơ Địa được bố thí ba la mật.

Địa 2 được trì giới ba la mật.

Địa 3 được nhẫn nhục ba la mật.

Địa 4 được tinh tấn ba la mật.

Địa 5 được thiên định ba la mật.

Địa 6 được Bát Nhã ba la mật.

Địa 7 được phương tiện ba la mật.

Địa 8 được nguyện ba la mật.

Địa 9 được lực ba la mật.

Địa 10 được trí ba la mật.

Ba la mật (đáo bỉ ngạn, đến bờ kia): cứu cánh thành tựu. Độ: bến đò, nơi lên đò để qua sông lên bờ bên kia. Pháp môn tu đến kết quả rốt ráo.

Địa 8 gọi là Bát động địa. Tới đây Bồ-tát chứng vô ngã như nhị thừa tịch diệt. Nhờ đã phát nguyện thành Phật độ sanh nên không nhập Niết-bàn. Bồ-tát tiến lên viên mãn nhất thiết chủng trí.

IV/. Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.

Con đường thành Phật bắt đầu từ ngôi Càn tuệ địa. Đã thấy rõ pháp tánh nên không bị pháp tướng làm mê hoặc, Bồ-tát tu tập 37 phẩm trợ đạo và thập độ để dứt dần ngũ trụ hoặc.

Dứt xong kiến hoặc chứng Tu-đà-hoàn. Dứt xong 81 phẩm tư hoặc, vượt 10 Tín vào Sơ Trụ, có thể hiện thân Phật trong 100 thế giới không Phật để thuyết pháp độ sanh.

Lịch sử chép: Thái tử Sĩ Đạt Ta ngồi tòa kim cang dưới gốc Bồ-đề, đêm thứ 49, giờ sao mai mọc, thoát nhiên đại ngộ. Đây là ngài nhập kim cang đại định, phá sanh tướng vô minh là phần chót.

Kinh Pháp Hoa, Trí Tích Bồ-tát nói: Khắp cõi Ta Bà, không một mẩu đất bằng hạt cải nào không phải là nơi Bồ-tát đã xả thân vì chúng sanh.

Cũng ngay phẩm ấy, cô Long Nữ 8 tuổi, đệ tử đức Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, qua Nam phương Vô Cấu thế giới, hiện thân trượng phu đủ 32 tướng, 80 tùy hình, làm Phật thuyết pháp giáo hóa chúng sanh.

Kinh nói việc khó khăn thành đạo của đức Thích Ca để người nghe phát tâm tin kính. Lại vội nói sự thành Phật dễ dàng của Long Nữ để người sợ khó sợ khổ, đỡ nản lòng. Cũng để chứng tỏ phát đại thừa tâm, tu đại thừa hạnh là việc già trẻ nam nữ ai cũng có phần.

Sách kể chuyện: Ngài Xá Lợi Phất xưa kia tu Bồ-tát hạnh. Có người tới xin con mắt để làm thuốc cho mẹ. Ngài không ngần ngại móc ngay một con mắt đưa cho. Người kia nói: Thừa tôi cần mắt bên phải, ngài lại cho mắt bên trái thì không dùng được. Bất đắc dĩ ngài Xá Lợi Phất móc nốt con mắt bên kia đưa cho. Ngài vừa đau vừa mù nghe người

kia nói: “Tôi tưởng ông là thánh nhân mới xin mắt để làm thuốc chớ con mắt tanh hôi máu mủ thế này thì dùng làm gì?” Ngài Xá Lợi Phất nghe tiếng họ vớt con mắt xuống đất và tiếng giày dép di di trên con mắt trước khi đi ra. Ngài Xá Lợi Phất thoái tâm, trở về Thanh-văn thừa, chứng quả A-la-hán. Đây là vì bố thí còn chấp có ta, có người, có vật bố thí nên còn thoái lui.

Tiền thân đức Thích Ca là một tiên nhân an tu một mình trong rừng. Vua Ca Lợi cùng với tùy tùng đi săn. Vua mệt nằm ngủ. Các cung nữ dắt nhau đi chơi, thấy ông tiên ngồi thiền, hái hoa cúng dường, lễ lạy và quỳ nghe nói pháp. Chợt vua tỉnh dậy, đi tìm họ, thấy vậy nổi ghen, chặt cả hai tay hai chân ông tiên. Người tu dựa mình vào gốc cây, thản nhiên như không có chuyện gì. Vua hỏi: Người vì sợ ta nên không dám hiện tướng tức giận chớ làm sao chặt cả chân tay mà không khổ não?

– Ta tu hành để cầu thành Phật. Nếu thật tâm ta một lòng thương xót thế gian mê muội nên không hờn không giận thì nguyện chân tay ta trở về như cũ.

Tiên ông vừa dứt lời, chân tay liền lại vào thân, bình phục như thường. Vua biết mình đang đối diện một thánh nhân, vội quỳ lạy khóc lóc sám hối. Tiên nhân từ miễn an ủi: “Nhà vua yên tâm. Ta đã tha thứ. Nguyện khi ta thành Phật, sẽ độ cho nhà vua trước nhất”. Ca Lợi là tiền thân ngài Kiều Trần Như.

Phải có tinh thần đại dũng mãnh, trí tuệ đại sáng suốt mới hàng phục được vô minh, chuyển các hoặc tập từ vô thủy thành công đức thiện căn. Phải đã chứng được tâm vô phân biệt bình đẳng mới thành Phật để có tam thân, tứ trí, ngũ nhơn, lục thông v.v....

Tam thân:

1- Pháp thân, ở khắp pháp giới không bờ mé.

2- Báo thân, trí tuệ cùng cực, hằng sa tướng hảo. Chỉ thập địa Bồ-tát mới thấy được để thân gần cúng dường.

3- Ứng hóa thân, có liệt và thắng.

a) Đức Thích Ca thị hiện làm người ở cõi Ta Bà là liệt ứng thân. Tuy là liệt ứng thân mà Phạm Thiên cũng không thấy được vô kiến đẳng tướng. Mất Phạm Thiên thấy cả tam thiên đại thiên thế giới. Đức Phật so với thân ông thì rất nhỏ. Vậy mà từ cao ngó xuống vẫn không sao thấy được đỉnh đầu Phật. Câu chuyện này để nêu biểu trí tuệ vô thượng của Phật là cảnh giới không thể nghĩ bàn, không ai biết được.

Một đại nhân tướng nữa là lông trắng giữa chạng hai chân mày, xoáy tròn như con ốc. Lông hình bát giác (8 cạnh), ruột bọng, trong suốt như pha lê. Nếu kéo dài thì đụng tới gót chân, màu trắng, thường phóng ánh sáng. Nên ta thường nói: Phật có hào quang.

Hào là sợi lông. Ánh sáng quanh thân Phật gọi là viên quang. Trong kinh Pháp Hoa, Phật phóng bạch hào tướng quang, chiếu đông phương tám vạn thế giới, hiển rõ những sự việc Bồ-tát tu hành.

b) Thắng ứng thân là đức A Di Đà ở phương Tây. Thân cao 62 na do tha hằng hà sa do tuần. Một do tuần là một khoảng xa trông con trâu chỉ lớn bằng con chó. Nay ta tạm gọi là 1 km. Một na do tha là 10 vạn (tiếng Việt Nam gọi là ức = 100.000).

Bạch hào tướng quang của Phật A Di Đà, lúc xoắn tròn giữa chặng mày, lớn bằng năm núi Tu-di chụm lại. Bởi vì đức Phật rất lớn nên tương đối, sợi lông vẫn mảnh mai uyển chuyển.

Phật còn có một tướng lạ nữa là 5 ngón tay, 5 ngón chân đều có màng mỏng dính liền, đựng nước không chảy, dao đâm không thủng, gươm bén không thể cào trầy, trong

suốt như pha lê nên mắt thường nhìn không thấy.

Lưỡi Phật rộng dài, le ra trùm mặt tới chân tóc. Bàn chân có hình bánh xe 1000 căm. Bên Thái Lan có đền thờ bàn chân Phật. Ở đền Đế Thiên Đế Thích xứ Campuchia có bàn chân Phật tạc trên đá.



Tứ hoàng thệ là tăng thắng của tứ đế. Vì có Khổ đế nên chúng sanh vô biên thệ nguyện độ. Vì có Tập đế nên phiền não vô tận thệ nguyện đoạn. Vì có Đạo đế nên pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Vì có Diệt đế nên Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành. Vô dư đại Niết-bàn là tăng thắng vô thượng của Niết-bàn A-la-hán.

Kinh Pháp Hoa, ngài Xá Lợi Phất trình bày một sai lầm, tưởng mình là tiểu thừa tức mất đại thừa.

Phật đáp: Ta chứng Vô-thượng Bồ-đề. Nếu còn cố tâm để một chúng sanh không được Phật quả, thế là ta đã bỏn sẻn xan tham. Mười phương ba đời không bao giờ có một ông Phật bỏn sẻn xan tham. Chỉ bởi vì nếu vội chỉ bày con đường dài xa thì các ông ngán sợ không dám tu hành. Nên tạm chỉ bày một phần đường đi, lại lập một hóa thành để làm trạm nghỉ. Tới nay các ông Xá Lợi Phất đã chứng A-la-hán rồi, thoát hiểm sanh tử rồi. Phật khuyến tiến đi về bảo sở và thọ ký cho tất cả sẽ thành Phật.

Vậy ngũ thừa không phải là 5 con đường khác nhau. Chung quy vẫn chỉ một con đường nhất thừa. Bậc đại trí tuệ đã cắt chia ra từng quãng để dắt dẫn chúng sanh đi dần. Chỉ có điều là những vị A-la-hán rất khó hồi tâm, xả cảnh Niết-bàn an ổn vi diệu tịch tĩnh để trở vào luân hồi sanh tử, hiện thân sáu đạo, thực hành lục độ vạn hạnh của đại thừa.

Chúng ta nay có duyên vào thẳng đại thừa, đừng nghe nói tiểu thừa mà khinh thường. Kiên cố ngạo mạn chính là đường đọa lạc chớ không phải đại thừa.

Tiểu thừa là lừa dục được sơ thiền. Hết giác hết quán vào nhị thiền. Thoát hỷ vào tam thiền. Xả cả niệm khổ vui, thanh tịnh nhập tứ thiền. Chúng ta theo đại thừa, thâm nhiếp sáu căn, chuyên một tịnh niệm vào chánh định (Niệm Phật tam muội). Hai công việc đâu có khác nhau. Chỉ có tu thiền thì hậu thân sanh về cõi trời mà tu tiếp. Còn người niệm Phật vãng sanh về Tịnh-độ, vào hộ khẩu trong đại học đường hiền thánh, hẳn cũng dễ tiến lên quả vị Phật. Dù tu thiền hay Tịnh-độ, muốn được Vô-thượng Bồ-đề đều phải phát bốn hồng thệ nguyện, lập đi lập lại hàng ngày để không quên.

Trước khi dứt lời, xin nhắc huynh đệ nhớ rằng chúng ta đang ở kiếp giảm, thọ mạng

kém dần. Giảm đến cuối cùng là 10 tuổi. Người nhỏ 1 xích (4 tấc). Năm tuổi đã lập gia đình. Trí tuệ phân biệt thế gian rất nhạy bén về mặt ác. Chấp tướng nặng nề cảm quả kiếp đao binh luôn 7 ngày 7 đêm. Cả thế giới chết sạch. Còn lại một số rất hiếm hoi, sống cực nhọc nhưng trở về hiền thiện để dần dần tiến lên kiếp tăng.

Tương lai chúng ta mù mịt. Kiếp giảm càng đi càng sâu vào thời mạt pháp. Phước đức thiện căn lui sụt, nghiệp ác dễ tăng. Trông cậy vào đâu nếu không mau mau phát bốn hồng thệ nguyện. Cùng nhau sách tấn, cố gắng góc đầu lên, thẳng hướng Bồ-đề mà tiến bước.

Vua A Dục khi tin Phật pháp rồi lập nguyện đánh lễ tất cả các vị xuất gia. Một hôm vào rừng vắng gặp một Sadi đang kiếm củi. Ông đỉnh lễ rồi dặn dò: “Tôi lạy ngài vì có lời nguyện, nhưng xin ngài đừng nói cho ai biết”. Ông Sadi vui vẻ gật đầu. Sẵn có bình nước uống ở đây. Ông vén áo bước vào trong bình rồi lại từ bình đi ra. Ba lần như thế, vừa cười vừa bảo vua rằng: “Bệ hạ có thấy thì thấy nhưng đừng nói cho ai biết”. Vua A Dục cuống quýt lạy như tế sao, sám hối vì mắt phàm nên không biết thánh.

Lại mấy ông Sadi tắm sông giỡn đùa om sòm. Từ trên lầu cao, vua Ba Tư Nặc bảo Mạt Lợi phu nhân: “Thầy của bà đó!” Bỗng các ông Sadi rủ nhau lên bờ, y áo chỉnh tề ngồi kết già. Bình bát để trước mặt tự nhiên bay lên hư không xếp thành hàng như những bông hoa múa lượn rồi trở về chỗ cũ. Vua hết khinh mạn,

khởi tâm kính trọng. Hoàng hậu nói: “Bệ hạ thấy chưa? Thầy tôi đó!”